TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:12/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 15/5/2020
(*V/v: Ly hôn, nuôi con chung*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà: Lê Thị Kiều Thu.
2. Ông: Lê Văn Toàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiêt tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 615/2019/TLST- HNGĐ ngày 02/10/2019 "*V/v: Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020; thông báo hoãn phiên tòa số 101/2020/TB – TA ngày 16/3/2020; thông báo mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phạm Thanh A, sinh năm: 1993.
Địa chỉ: khu phố B, phường C, thành phố PT, tỉnh BT.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh D, sinh năm: 1993.
Địa chỉ: khu phố Đ, phường E, thành phố PT, tỉnh BT.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2019, bản tự khai ngày 24/10/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Thanh A trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Minh D đã thuận tình ly hôn theo quyết định số 122/2017/QĐST – HNGĐ ngày 29/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố PT. Theo quyết định thuận tình ly hôn, về con chung giao con Nguyễn Đăng F, sinh ngày 08/01/2015 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà A chưa yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, vì thương con nên bà và ông D chung sống lại vào cuối năm 2016 nhưng không có đăng ký kết hôn và có thêm 1 con chung tên Nguyễn Minh G, sinh ngày 17/4/2017. Trong quá trình chung sống lại ông bà lại

tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Đặc biệt là sau khi ông D làm được thủ tục bổ sung tên của ông D vào là cha ruột của cháu Nguyễn Minh G trong giấy khai sinh của con thì thái độ của ông D thay đổi rõ rệt thậm chí bắt cả 02 con về nuôi mà không cần sự đồng ý của bà mặc dù con đang còn rất nhỏ, bà đã van xin kêu cứu và nhờ cả chính quyền can thiệp nhưng ông D vẫn không cho bà được gặp thăm con. Nay bà yêu cầu Tòa án giải tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà với ông D là quan hệ vợ chồng. Về con chung: Nguyễn Đăng F, sinh ngày 17/4/2017. Bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với việc nuôi con Nguyễn Đăng F, sinh ngày 08/01/2015 bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vì đã có quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân thành phố PT.

Tại phiên Tòa hôm nay bà A trình bày: bà vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện và bản tự khai.

***/<u>Theo đơn phản tố ngày 14/10/2019, bản tự khai ngày 09/11/2019 bị đơn ông Nguyễn Minh D trình bày:</u>**

Ông và bà Nguyễn Phạm Thanh A kết hôn vào năm 2014 và có 01 con chung tên Nguyễn Đăng F, sinh ngày 08/01/2015. Do sống chung không được nên ông bà ly hôn vào năm 2016. Vì khi ly hôn con chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao con cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng và ông được quyền thăm nom nhưng bà A không cho ông thăm con mặc dù ông đã nhờ địa phương can thiệp. Tháng 9/2016, ông bà chung sống lại và sinh thêm 1 con tên Nguyễn Minh G, sinh ngày 17/4/2017. Trong thời gian sống chung lại có nhiều mâu thuẫn, bà A thường xuyên bỏ bê con cái đi thâu đêm suốt sáng không về nhà để mình ông chăm sóc 2 con. Tháng 6/2019, ông và bà A phát sinh mâu thuẫn không còn sống chung với nhau nữa, bà A tự bỏ đi nơi khác sống, còn ông vẫn sống và nuôi 2 con và lo cho con ăn học. Hiện nay ông không biết bà A ở đâu và nghề nghiệp có ổn định hay không nên việc giao 02 con cho bà A nuôi dưỡng sẽ không thể đáp ứng nhu cầu cho sự phát triển và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của 02 cháu. Còn ông có đủ điều kiện chăm sóc về vật chất và việc học tập của các cháu. Nay ông yêu cầu tòa án giải quyết cho ông được nuôi con Nguyễn Minh G, sinh ngày 17/4/2017 và thay đổi việc nuôi con Nguyễn Đăng F, sinh ngày 08/01/2015.

Tại phiên tòa, ông D đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà A yêu cầu được nuôi con Nguyễn Minh G, sinh ngày 17/4/2017 và thay đổi việc nuôi con Nguyễn Đăng F, sinh ngày 08/01/2015.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ Luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Phạm Thanh A và ông Nguyễn Minh D là quan hệ vợ chồng, về con chung giao cháu Nguyễn Minh G, sinh ngày 17/4/2017 cho bà A nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con bà A không yêu cầu nên

không xét. Chấp nhận yêu cầu thay đổi việc nuôi con sau khi ly hôn của ông Nguyễn Minh D, giao cháu Nguyễn Đăng F, sinh ngày 08/01/2015 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: thẩm quyền giải quyết vụ án, phía bị đơn ông Nguyễn Minh D có nơi cư trú tại khu phố Đ, phường E, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo qui định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phạm Thanh A về việc*"Ly hôn, nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PT.

[2]Về nội dung khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]**Về quan hệ hôn nhân**: bà Nguyễn Phạm Thanh A và ông Nguyễn Minh D kết hôn vào năm 2014, có 01 con chung tên Nguyễn Đăng F, sinh ngày 08/01/2015. Do sống chung không được nên ông bà thuận tình ly hôn vào tháng 4 năm 2016. Đến tháng 9 năm 2016, ông bà chung sống lại có thêm 01 con chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Nay mâu thuẫn phát sinh bà A, ông D đều yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy bà A, ông D đã ly hôn sau đó chung sống lại nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà đã có quá trình chung sống như vợ chồng nhưng không tạo điều kiện đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn lại theo quy định của pháp luật, nay mâu thuẫn phát sinh ông bà đều có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, do vậy căn cứ vào Điều 9, khoản 01 Điều 14, khoản 02 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Phạm Thanh A và ông Nguyễn Minh D là quan hệ vợ chồng là đúng theo quy định pháp luật.

[2.2]**Về con chung**: quá trình chung sống lại với nhau ông bà có thêm một 01 con chung tên Nguyễn Minh G, sinh ngày 17/4/2017. Trong quá trình giải quyết và tại Tòa bà A có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu Luân mới hơn 3 tuổi còn nhỏ để đảm bảo cuộc sống của cháu nên giao cháu Luân cho bà A nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]Về tài sản chung và nợ chung: bà A, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xét.

[2.4]Xét yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của ông Nguyễn Minh D như sau:

Xét thấy từ tháng 9/2019 cho đến nay, ông D vẫn chăm sóc tốt cho cháu Nguyễn Đăng F, lời khai của ông D phù hợp với xác minh tại địa phương. Hơn nữa, đã giao cháu Nguyễn Minh G cho bà A nuôi dưỡng nên giao cháu Đăng F cho ông D nuôi dưỡng là hợp lý để đảm bảo sự chăm sóc, nuôi dưỡng chu toàn cho hai

cháu. Từ những nhận định trên chấp nhận yêu cầu thay đổi việc nuôi con sau khi ly hôn của ông Nguyễn Minh D.

[2.5]Về án phí**:** bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ vào: khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 01 Điều 14, khoản 02 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC –BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/<u>Tuyên xử</u>:

2.1/Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Phạm Thanh A.

-Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Phạm Thanh A và ông Nguyễn Minh D là quan hệ vợ chồng.

-Về con chung: giao cháu Nguyễn Minh G, sinh ngày 17/4/2017 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Ông D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2/Chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của ông Nguyễn Minh D.

Giao cháu Nguyễn Đăng F, sinh ngày 08/01/2015 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Bà A có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

***3/<u>Án phí</u>*:** bà Nguyễn Phạm Thanh A nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0028085 ngày 26/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố PT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/5/2020).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

VŨ THỊ THU HÀ

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP. PT;*
- *Chi cục THADS TP. PT;*
- *UBND phường MN;*
- *Lưu.*